

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2026

“V/v ly hôn giữa anh T và chị H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thuỷ;

2. Bà Phạm Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 2001

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, tỉnh Hưng Yên

Hiện đang ở Trung Quốc.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thu H tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nay là xã M, tỉnh Hưng Yên ngày 19/7/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh. Quá trình chung sống đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, chị H còn có biểu hiện không chung thủy, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân, chị H đã sang với bố đẻ

ở Trung Quốc làm ăn, sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thu H không có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện tại chị H đang ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc cùng với bố đẻ, mẹ đẻ chị H đã chết, chị H không có anh chị, em ruột. Ở Việt Nam, chị H chỉ có người thân là ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T2 (không rõ năm sinh) ở thôn L, xã Q, tỉnh Ninh Bình, chị H ở với ông bà ngoại từ rất nhỏ. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng chị H đi luôn sang Trung Quốc ở với bố đẻ. Anh chỉ liên hệ với chị H qua mạng xã hội thì được biết chị H ở Trung Quốc, còn địa chỉ cụ thể thì anh không biết, chị H thường xuyên liên hệ về với ông bà ngoại, có lần chị H về thăm ông bà, từ khi kết hôn với anh chị H chuyển đăng ký hộ khẩu về gia đình anh nên không còn hộ khẩu ở Ninh Bình nữa. Anh không có căn cứ chứng minh địa chỉ cụ thể của chị H tại Trung Quốc.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nên không có quan điểm trình bày.

Kết quả xác minh với gia đình chị Nguyễn Thu H, cơ sở thôn L, xã Q, tỉnh Ninh Bình, cơ sở thôn Đ, xã M, tỉnh Hưng Yên, Công an xã Q và Công an xã M thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết do vợ chồng không hợp nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ.

Hiện tại, chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã M, tỉnh Hưng Yên, chưa chuyển hộ khẩu đến địa phương nào. Chị H đang lao động tại Trung Quốc, còn địa chỉ cụ thể thì gia đình và cơ sở thôn không biết rõ nhưng chị H thường xuyên liên lạc và về gia đình. Gia đình đã thông báo cho chị H biết việc anh T khởi kiện ly hôn chị H nhưng chị H không có quan điểm trình bày.

Tại công văn số 1023/XNC ngày 28/10/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp: Chị Nguyễn Thu H xuất cảnh lần gần nhất ngày 26/9/2023, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Thu H; Về quan hệ con chung: Anh T, chị H không có con chung; Về tài sản: Không đặt ra giải quyết; Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T khởi kiện ly hôn chị Nguyễn Thu H. Bị đơn chị H có địa chỉ thường trú tại Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nay là thôn Đ, xã M, tỉnh Hưng Yên, chị H hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài. Qua lời khai của anh T, ông Nguyễn Văn T1 (là ông ngoại của chị H) thì chị H đang lao động tại Trung Quốc, Tòa án đã 02 lần yêu cầu ông T1 cung cấp địa chỉ của chị H nhưng ông T1 không cung cấp được. Như vậy, bị đơn chị H được xác định ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án đã yêu cầu người thân thích của chị H là ông T1 cung cấp địa chỉ nhưng không có kết quả, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 10 (Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng chị H vắng mặt không có lý do, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thu H là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nay là xã M, tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/7/2021 là hôn nhân hợp

pháp. Quá trình chung sống đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh xin ly hôn chị H, còn chị H không có quan điểm trình bày. Thấy vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa anh T, chị H đã trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thu H không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thu H không có quan điểm trình bày nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thu H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Thu H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thu H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001618 ngày 01 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Hưng Yên được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, bị đơn chị Nguyễn Thu H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án Khu vực 8 – Hưng Yên;
- UBND xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên